

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**Picomat®**

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT**

*Hà nội, tháng 08 năm 2022*



# MỤC LỤC

<b>Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG .....</b>	<b>1</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng .....	1
Điều 2. Tài liệu tham khảo .....	1
Điều 3. Các chữ viết tắt .....	1
Điều 4. Giải thích từ ngữ .....	2
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin .....	3
Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin .....	4
Điều 7: Phương tiện công bố thông tin .....	4
Điều 8: Tạm hoãn công bố thông tin .....	5
<b>Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>6</b>
Điều 9. Lưu đồ thực hiện .....	6
Điều 10. Các nội dung công bố thông tin.....	7
<b>Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....</b>	<b>8</b>
Điều 11. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan .....	8
Điều 12. Xử lý vi phạm về công bố thông tin .....	8
Điều 13. Triển khai thực hiện.....	8
<b>PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN .....</b>	<b>9</b>
PHỤ LỤC 1.1 : PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (TC - KT).....	9
PHỤ LỤC 1.2 : PHÒNG HÀNH CHÍNH – NHÂN SỰ .....	11
PHỤ LỤC 1.3 : NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	13
<b>PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC .....</b>	<b>20</b>

3A  
ÔN  
Ở  
NH  
C  
TH

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT**

*(Ban hành theo Quyết định số: 11-1/2022/QĐ-HĐQT ngày 17/08/2022 của Hội đồng quản trị Công ty CP Nhựa Picomat)*

**Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty CP Nhựa Picomat trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo Quy định tại thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính; Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

**2. Đối tượng áp dụng**

- a) Người công bố thông tin.
- b) Các phòng ban liên quan gồm: Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Hành chính – Nhân sự, Người phụ trách quản trị công ty.
- c) Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty và các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động công bố thông tin củ Công ty Cổ Phần Nhựa Picomat trên thị trường chứng khoán.

**Điều 2. Tài liệu tham khảo**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14 tháng 07 năm 2021;
- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCVN và Công ty con ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tổng giám đốc SGDCVN;
- Căn cứ Tài liệu hướng dẫn sử dụng Hệ thống quản lý thông tin công ty dành cho công ty niêm yết/đăng ký giao dịch trên sàn HNX (CIMS);
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

**Điều 3. Các chữ viết tắt**

- Công ty : Công Ty Cổ Phần Nhựa Picomat
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- IDS PRO : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- SGDCVN : Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- SGDC/HNX : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- CIMS : Hệ thống quản lý thông tin công ty của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- VSD : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
- TTCKVN : Thị trường Chứng khoán Việt Nam
- CBTT : Công bố thông tin
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- TGĐ : Tổng Giám đốc
- KTT : Kế toán trưởng
- BCTC : Báo cáo tài chính
- CĐL : Cổ đông lớn
- CPQ : Cổ phiếu quỹ
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- CTĐC : Công ty đại chúng
- NNB : Người nội bộ
- NCLQ : Người có liên quan

#### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

1. *Người nội bộ của Công ty* là Những đối tượng được quy định tại Khoản 45, Điều 4 Luật Chứng Khoán.
2. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 7 Quy chế này.
3. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK HN hoặc ngày UBCKNN, SGDCK HN nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:
  - Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
  - Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).
5. *Bản scan văn bản dùng CBTT* phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.
6. *Dữ liệu điện tử dùng CBTT* là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).
7. *Người công bố thông tin* là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.
8. *Người có liên quan<sup>1</sup>* là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
  - a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
  - b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

<sup>1</sup> Theo quy định tại Khoản 46, Điều 4, Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019

- c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14.
9. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.
10. *Cổ đông lớn* là Cổ đông được quy định tại Khoản 18, Điều 4 Luật Chứng Khoán.

### **Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. CBTT của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc CBTT do người thực hiện CBTT thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Quy chế này
2. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
3. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
4. Khi công bố thông tin, Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
5. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.
6. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện công khai thông tin.
7. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:
  - Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;
  - Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và

truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm.

8. Ngôn ngữ CBTT trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Trường hợp CBTT bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

#### **Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin**

1. Việc CBTT của tổ chức do Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc ủy quyền CBTT phải được lập thành văn bản và theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

2. Công ty phải đăng ký, đăng ký lại Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền CBTT cùng với Bản cung cấp thông tin của Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền CBTT cho UBCKNN, SGDKK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

3. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin do mình hoặc Người được ủy quyền CTT (trong trường hợp ủy quyền) công bố.

#### **Điều 7: Phương tiện công bố thông tin**

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty <sup>2</sup> .
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS Pro.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Hệ thống CIMS.
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác	Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5	theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Báo in, Báo điện tử, v.v...

— <sup>2</sup> Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

— Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

— Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

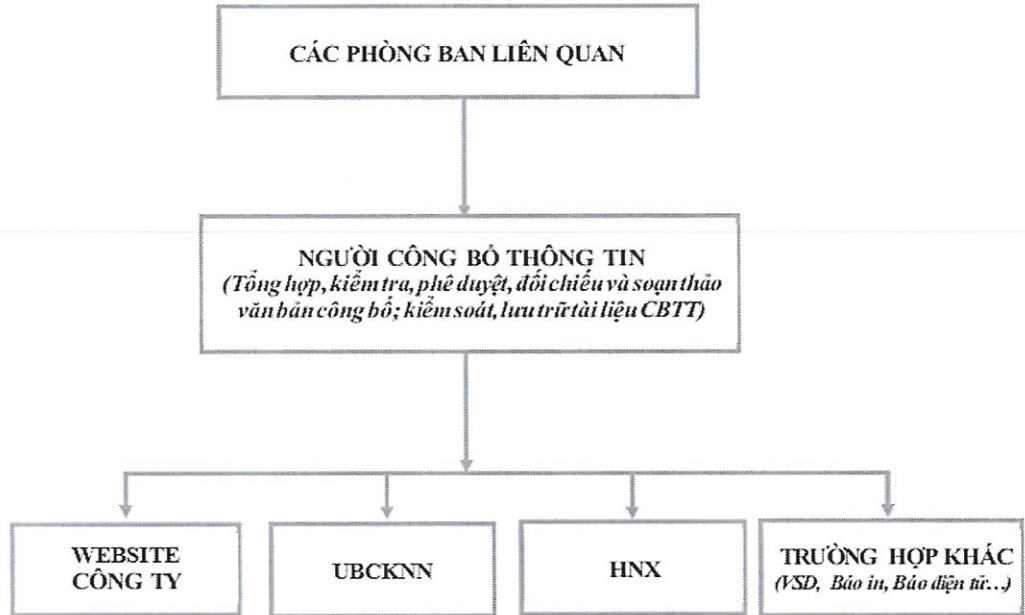
## **Điều 8: Tạm hoãn công bố thông tin**

1. Đối tượng CBTT được tạm hoãn CBTT vì những lý do bất khả kháng (bao gồm nhưng không giới hạn thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc những trường hợp bất khả kháng theo quy định pháp luật hiện hành). Đối tượng CBTT phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay sau khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

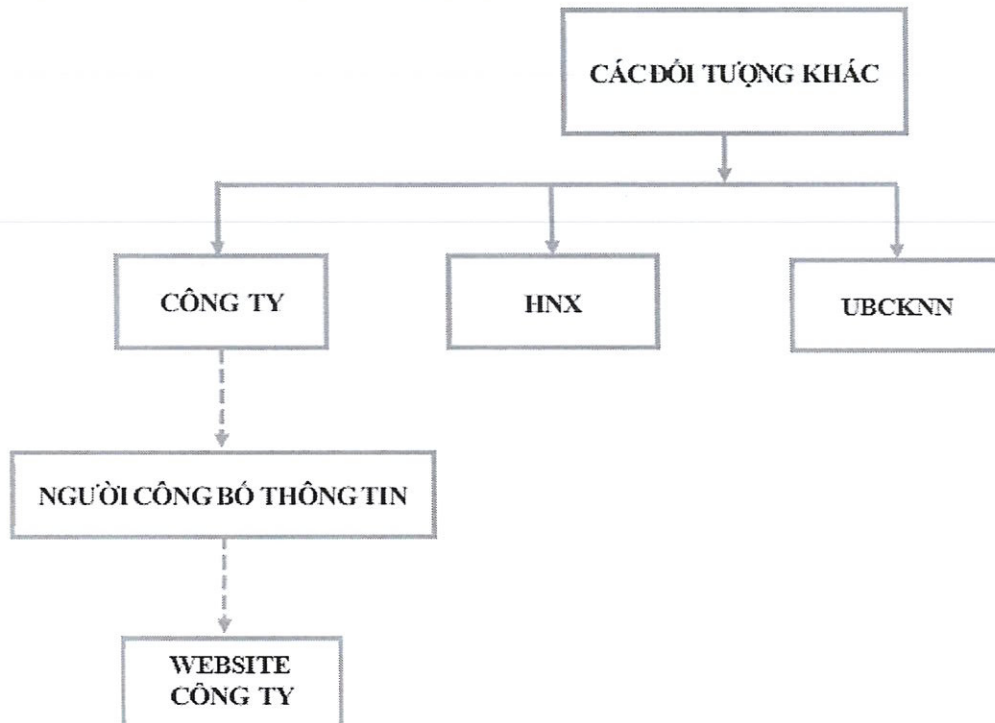
## Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

### Điều 9. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này



2. Áp dụng đối với các đối tượng khác (quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này)



**Ghi chú:**

→ : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HNX

- - - → : Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác kiểm tra và thực hiện công bố lên Website công ty.



**Điều 10. Các nội dung công bố thông tin**

**1. Các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ Lục 01 cụ thể trong Quy chế CBTT này bao gồm:**

- a) Phòng Tài chính Kế toán : Phụ lục 1.1
- b) Phòng Hành chính – Nhân sự : Phụ lục 1.2
- c) Người phụ trách Quản trị công ty : Phụ lục 1.3

**2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế CBTT này.**

11/11/2024

### **Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 11. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan**

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin.
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng **18 giờ** kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.
4. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

#### **Điều 12. Xử lý vi phạm về công bố thông tin**

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

#### **Điều 13. Triển khai thực hiện**

1. Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ Phần Nhựa Picomat có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 08 năm 2022.
2. Các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh và áp dụng Quy chế này có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định của Quy chế này
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.
4. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.

*Nơi nhận:*

- HĐQT;
- BKS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**NHỰA**  
**PICOMAT**  
**H. THẠCH THẮT - T.P. HÀ NỘI**  
**ĐỖ THANH HẢI**

PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN

PHỤ LỤC 1.1 : PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (TC - KT)

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Căn cứ pháp lý	Biểu mẫu	Ghi chú
<b>A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ</b>						
1	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong <b>10 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký phát hành báo cáo kiểm toán nhưng <b>không vượt quá 90 ngày</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Ngày sau tổ chức kiểm toán ký phát hành báo cáo kiểm toán	Điểm c, Khoản 1, điều 10, thông tư 96/2020/TT-BTC		<p><b>Công ty đồng thời phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;</li> <li>- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;</li> <li>- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</li> </ul>
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét (đối với công ty mẹ hoặc đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)	Trong thời hạn <b>05 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng tối đa không quá <b>60 ngày</b> kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Hạn chót là 26/08	Điểm c, Khoản 2, điều 14, thông tư 96/2020/TT-BTC		
3	Báo cáo tài chính quý (đối với công ty mẹ hoặc đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)	Tối đa không quá <b>30 ngày</b> kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn 27 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Điểm c, Khoản 3, điều 14, thông tư 96/2020/TT-BTC		
4	Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn <b>05 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá <b>45 ngày</b> kể từ ngày kết thúc quý	3 ngày trước hạn chót CBTT	Điểm c, Khoản 3, điều 14, thông tư 96/2020/TT-BTC		
<b>B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG</b>						

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Căn cứ pháp lý	Biểu mẫu	Ghi chú
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 18h sau khi phát sinh thông tin	điểm a, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
2	- Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật). - Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng). - Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 18h sau khi phát sinh thông tin	điểm g, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
3	- Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có); - Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 18h sau khi phát sinh thông tin	Khoản 5, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
4	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 18h sau khi phát sinh thông tin	điểm m, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		

11/21 11/21 11/21

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Căn cứ pháp lý	Biểu mẫu	Ghi chú
5	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong vòng 18h sau khi phát sinh thông tin	điểm O, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
6	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Khoản 6, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
7	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình.	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán	Khoản 3, điều 13, thông tư 96/2020/TT-BTC		

#### PHỤ LỤC 1.2 : PHÒNG HÀNH CHÍNH – NHÂN SỰ

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Căn cứ pháp lý	Biểu mẫu	Ghi chú
<b>A. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG</b>						
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh;</li> <li>- Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;</li> </ul>	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	điểm b, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Căn cứ pháp lý	Biểu mẫu	Ghi chú
2	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	điểm b, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC	Phụ lục III Quyết định số 21/QĐ-SGDVN	Công bố thông tin tại hệ thống CIMS về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động theo Mẫu Phụ lục III - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN và Gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
3	- Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty. - Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	điểm e, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
4	- Công ty nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ.	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	điểm L, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
5	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ.	Trong thời hạn 24 giờ kèm quyết định/ngợi quyết về việc thay đổi nhân sự.	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	điểm L, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC	Phụ lục III thông tư 96/2020/TT-BTC	- Trường hợp bổ nhiệm người nội bộ mới Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK (Bản cứng) bản cung cấp thông tin theo mẫu tại Phụ lục III thông tư 96/2020/TT-BTC trong vòng 03 ngày làm

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Căn cứ pháp lý	Biểu mẫu	Ghi chú
6	Trường hợp có phát sinh thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty thực hiện báo cáo SGDCK theo Mẫu <b>Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN</b>	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	18h ngày sau khi phát sinh thông tin			việc kể từ ngày công bố thông tin; - Đối với thông tin công bố mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, Công ty thực hiện công bố thông tin tại hệ thống CIMS thêm Thông báo thay đổi nhân sự theo <b>Phụ lục I - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN</b>
7	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngày sau khi phát sinh thông tin	điểm n, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
8	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty;	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngày sau khi phát sinh thông tin	Điểm o, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
9	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngày sau khi phát sinh thông tin	Điểm p, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		

### PHỤ LỤC 1.3 : NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

A. CÔNG BỐ THÔNG TIN THƯỜNG NIÊN
----------------------------------

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Căn cứ pháp lý	Biểu mẫu	Ghi chú
<b>I. Báo cáo thường niên</b>						
1	Báo cáo thường niên	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Hạn chót 17/04	Khoản 2, điều 10, thông tư 96/2020/TT-BTC	Phụ lục IV thông tư 96/2020/TT-BTC	
<b>II. Báo cáo tình hình quản trị công ty</b>						
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Hạn chót 27/07	Khoản 4, điều 10, thông tư 96/2020/TT-BTC	Phụ lục V, thông tư 96/2020/TT-BTC	
3	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Hạn chót 27/01	Khoản 4, điều 10, thông tư 96/2020/TT-BTC	Phụ lục V, thông tư 96/2020/TT-BTC	
<b>III. Đại hội đồng cổ đông</b>						
4	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	3 ngày trước hạn chót CBTT	Điểm b, Khoản 4, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
5	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có)	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	3 ngày trước hạn chót CBTT	Điểm a, Khoản 3, điều 10, thông tư 96/2020/TT-BTC		
6	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết họp ĐHĐCĐ. (Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.)	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	18h ngày sau khi phát sinh thông tin	Điểm b, Khoản 3, điều 10, thông tư 96/2020/TT-BTC		



STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Căn cứ pháp lý	Biểu mẫu	Ghi chú
<b>B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG</b>						
<b>Đại hội đồng cổ đông bất thường</b> <i>(Thực hiện tương tự như Đại hội đồng cổ đông được quy định tại phần III – Đại hội đồng cổ đông, mục A, phụ lục 1.3 được quy định tại Quy chế này)</i>						
<b>Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</b>						
7	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu <b>20 ngày</b> trước ngày đăng ký cuối cùng	3 ngày trước hạn chót CBTT	Điểm b, Khoản 4, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
8	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Tối thiểu <b>10 ngày</b> trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	3 ngày trước hạn chót CBTT	Điểm b, Khoản 3, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
9	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. <i>(Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.)</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Điểm c, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
10	- Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ. - Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; - Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Điểm d, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Căn cứ pháp lý	Biểu mẫu	Ghi chú
11	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu. - Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp. phá sản doanh nghiệp; - Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ. - Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Điểm đ, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
12		Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	điểm e, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
13	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	điểm h, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		Trường hợp Công ty thay đổi mô hình công ty (tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết), ngoài việc thực hiện CBTT theo quy định, Công ty thực hiện đăng ký theo Phụ lục IV- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Căn cứ pháp lý	Biểu mẫu	Ghi chú
14	<p>Quyết định của ĐHQĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty;</p> <p>Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;</li> <li>- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;</li> <li>- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.</li> </ul>	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Điểm j, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.</li> </ul>	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Điểm k, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Căn cứ pháp lý	Biểu mẫu	Ghi chú
16	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Điểm Q, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Điểm R, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Điểm S, Khoản 1, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
19	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Điểm A, Khoản 2, điều 15, thông tư 96/2020/TT-BTC		
20	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ)	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Điểm b, Khoản 2, điều 15, thông tư 96/2020/TT-BTC		
21	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Điểm c, Khoản 2, điều 15, thông tư 96/2020/TT-BTC		
22	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền	- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành quyết	18h ngay sau khi phát sinh thông tin			

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Căn cứ pháp lý	Biểu mẫu	Ghi chú
		định/ngợi quyết và công bố thông tin Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.	tin			
<b>CBTT THEO YÊU CẦU CỦA UBCKNN, SGDCK</b>						
23	Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu	18h kể từ khi nhận được yêu cầu	Khoản 1, điều 12, thông tư 96/2020/TT-BTC		Nội phải nêu rõ sự kiện được UBCK, SGDCK nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).
24	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu	18h kể từ khi nhận được yêu cầu	Khoản 1, điều 12, thông tư 96/2020/TT-BTC		
25	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	Chậm nhất <b>20 ngày</b> làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến <i>(thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)</i>	Chậm nhất <b>20 ngày</b> trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến <i>(thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)</i>	điểm b, Khoản 4, điều 11, thông tư 96/2020/TT-BTC		
26	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Chậm nhất <b>10 ngày</b> làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến <i>(thực hiện các quyền khác)</i>	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	điểm a, Khoản 2, điều 10, thông tư 96/2020/TT-BTC		

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Căn cứ pháp lý	Biểu mẫu	Ghi chú
27	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam	Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam	Khoản 2, điều 13, thông tư 96/2020/TT-BTC		
28	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Khoản 3, điều 13, thông tư 96/2020/TT-BTC		

## PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

<b>A. CBTT VỀ SỞ HỮU CỔ PHIẾU VÀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÓM NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN CÓ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT</b>						
1	Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu SGDCK, từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết khi trở Công ty thành hoặc không còn là cổ động lớn của công ty đại chúng.	Trong thời hạn <b>05 ngày</b> làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi	Trong thời hạn <b>05 ngày</b> làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi	Khoản 1, điều 31, thông tư 96/2020/TT-BTC	phụ lục VII thông tư 96/2020/TT-BTC	
2	Cổ đông lớn của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	Trong thời hạn <b>05 ngày</b> làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi	Trong thời hạn <b>05 ngày</b> làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi	Khoản 2, điều 31, thông tư 96/2020/TT-BTC	phụ lục VIII thông tư 96/2020/TT-BTC	
3	Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của công ty Trường hợp (1) và (2) nêu trên	trong thời hạn <b>03 ngày</b> làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	trong thời hạn <b>03 ngày</b> làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Khoản 6, điều 31, thông tư 96/2020/TT-BTC		

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Căn cứ pháp lý	Biểu mẫu	Ghi chú	
<b>B. CBTT VỀ GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ</b>							
4	<p>Người nội bộ và người có liên quan của đến người nội bộ trước khi thực hiện giao dịch có giá trị <b>trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên</b> hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong <b>từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên</b> tính theo mệnh giá hoặc giá trị chuyển nhượng, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác) và không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch.</p>	<p>Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch <b>tối thiểu 03 ngày làm việc</b> kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch.</p> <p>Thời hạn thực hiện giao dịch <b>không được quá 30 ngày</b>, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24h kể từ khi có CBTT từ SGDCK</p>	<p>Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch <b>tối thiểu 03 ngày làm việc</b> kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch.</p> <p>Thời hạn thực hiện giao dịch <b>không được quá 30 ngày</b>, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24h kể từ khi có CBTT từ SGDCK</p>	<p>Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch <b>tối thiểu 03 ngày làm việc</b> kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch.</p> <p>Thời hạn thực hiện giao dịch <b>không được quá 30 ngày</b>, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24h kể từ khi có CBTT từ SGDCK</p>	<p>Khoản 1, điều 33, thông tư 96/2020/TT-BTC</p>	<p>Phụ lục XIII thông tư 96/2020/TT-BTC; Phụ lục XIV thông tư 96/2020/TT-BTC</p>	
5	<p>Báo cáo kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng giao dịch đăng ký và chỉ được đăng ký thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.</p>	<p>Trong thời hạn <b>05 ngày</b> làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.</p>	<p>Trong thời hạn <b>05 ngày</b> làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.</p>	<p>Khoản 1, điều 33, thông tư 96/2020/TT-BTC</p>	<p>Phụ lục XV thông tư 96/2020/TT-BTC; Phụ lục XVI thông tư 96/2020/TT-BTC</p>		

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Căn cứ pháp lý	Biểu mẫu	Ghi chú
6	Sau khi đăng ký giao dịch đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ, hoặc người có liên quan đến các đối tượng này vẫn phải thực hiện báo cáo và CBTT	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.	Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch, kể từ ngày hoàn tất hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký)	Khoản 4, điều 33, thông tư 96/2020/TT-BTC		
7	Công ty chứng khoán là người có liên quan đến người nội bộ của công ty thì khi thực hiện sửa lỗi Công ty giao dịch cổ phiếu đăng ký giao dịch.	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.	Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.	Khoản 5, điều 33, thông tư 96/2020/TT-BTC		
8	Công ty công bố các giao dịch theo mục nêu trên của Công ty người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ	Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch	Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch	Khoản 7, điều 33, thông tư 96/2020/TT-BTC		
<b>C. CBTT CHÀO MUA CÔNG KHAI</b>						
9	Tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu của Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào mua công khai	Theo quy định pháp luật về chào mua công khai	Theo quy định pháp luật về chào mua công khai	Điều 35, thông tư 96/2020/TT-BTC		
10	Công ty nhận được thông báo chào mua công khai của cổ đông phải thực hiện công bố thông tin	Theo quy định pháp luật về chào mua công khai	Theo quy định pháp luật về chào mua công khai	Điều 35, thông tư 96/2020/TT-BTC		